

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦ THỪA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2024
Về việc xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Nguyễn Hồng Phong.
2- Ông Nguyễn Văn Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 71/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trương Văn M, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11-8-2023, nguyên đơn là bà Lê Thị Ú trình bày: Bà Lê Thị Ú và ông Trương Văn M kết hôn vào tháng 4 năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thủ Thừa vào ngày 17-8-2022. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông M có quen người phụ nữ khác, thường nhắn tin qua lại và kêu bà Ú ký đơn ly hôn, từ đó vợ chồng thường cãi vã. Mâu thuẫn xảy ra ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ú xin ly hôn với ông M. Bà Ú và ông M không có con chung, tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Trương Văn M: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 71/TB-TLVA ngày 15-3-2024 cho ông Trương Văn M nhưng ông

không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, không có yêu cầu phản tố. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án, do đó Tòa án không hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Lê Thị Ú yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trương Văn M nhưng ông M không đồng ý, như vậy tranh chấp giữa bà Ú và ông M là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng không có mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của bà Ú và tài liệu do bà Ú cung cấp xác định hôn nhân giữa bà Ú với ông M là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 17-8-2022. Thời gian đầu sau khi cưới bà Ú và ông M sống chung hạnh phúc, đến cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không giải quyết được làm cho tình cảm vợ chồng không còn, nay bà Ú xin ly hôn và ông M không có ý kiến phản đối. Như vậy hôn nhân giữa bà Ú và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ú, cho bà Ú được ly hôn với ông M.

[3] Về nuôi con chung: Bà Ú và ông M không có con chung nên không giải quyết việc nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo bà Ú trình bày tài sản chung và nợ chung không có. Do các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Ú phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ú đối với ông Trương Văn M.
Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ú được ly hôn với ông Trương Văn M.
Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết do không có ai yêu cầu.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ú phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ú đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008254 ngày 14-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, bà Ú đã nộp đủ án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- UBND xã L, huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến